

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn huyện An Biên

Căn cứ Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; Ủy ban nhân dân huyện An Biên xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Đẩy mạnh liên kết theo chuỗi giá trị giữa nông dân, hợp tác xã và doanh nghiệp. Trong đó, hợp tác xã làm nòng cốt nhằm khắc phục tình trạng sản xuất manh mún, nhỏ lẻ, nâng cao quản lý chất lượng và giá trị sản phẩm nông sản.

- Phát triển sản xuất gắn với liên kết tiêu thụ cho các sản phẩm chủ lực của xã, thị trấn theo Quyết định số 101/QĐ-UBND ngày 17/01/2019 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc ban hành danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi là sản phẩm chủ lực theo Quyết định 101/QĐ-UBND).

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng mỗi năm 01 dự án liên kết chuỗi giá trị sản phẩm lúa, tôm, cua, Sò huyết... liên kết với doanh nghiệp để củng cố, phát triển hợp tác xã sản xuất theo chuỗi giá trị nông sản an toàn, chất lượng cao.

- Chọn sản phẩm chủ lực là lúa, thủy sản,... và lựa chọn một số sản phẩm đặc thù khác của các xã, thị trấn để hỗ trợ phát triển liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ nông sản, bảo đảm thành lập mới và huy động trên 50% các hợp tác xã nông nghiệp để tham gia có hiệu quả các chuỗi giá trị nông sản.

- Hỗ trợ các hợp tác xã tham gia chuỗi liên kết được chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ gắn với cấp mã vùng trồng và phát triển hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc, sử dụng mã QR cho sản phẩm nông nghiệp phục vụ xuất khẩu.



- Cùng cố các hợp tác xã nông nghiệp hiện có và xây dựng mới các hợp tác xã nông nghiệp là đại diện sở hữu các sản phẩm OCOP (mỗi xã một sản phẩm) trên địa bàn các xã, thị trấn theo Kế hoạch số 116/KH-UBND ngày 22/9/2020 của UBND huyện An Biên và theo thực tế tại các xã, thị trấn, xác định rõ nội dung, nhiệm vụ và các giải pháp trọng tâm để triển khai thực hiện.

II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG, ĐIỀU KIỆN HỖ TRỢ

1. Phạm vi điều chỉnh

Kế hoạch này quy định về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, thủy sản áp dụng đối với các sản phẩm nằm trong danh mục sản phẩm nông nghiệp chủ lực tỉnh Kiên Giang được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành (sau đây gọi chung là sản phẩm nông nghiệp) giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác (sau đây gọi chung là nông dân).

- Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh (sau đây gọi chung là cá nhân).

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (sau đây gọi chung là hợp tác xã).

- Doanh nghiệp.

- Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện Kế hoạch này.

3. Điều kiện hỗ trợ

- Phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của xã, thị trấn.

- Giấy chứng nhận hoặc cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường.

- Liên kết đảm bảo ổn định:

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác từ 01 năm trở lên, thời gian liên kết tối thiểu là 05 năm.

+ Đối với sản phẩm nông nghiệp có chu kỳ nuôi, trồng, khai thác dưới 01 năm, thời gian liên kết tối thiểu là 03 năm.

- Dự án liên kết hoặc kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

III. NỘI DUNG HỖ TRỢ LIÊN KẾT

1. Xây dựng dự án liên kết chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp dựa trên liên kết giữa doanh nghiệp với hợp tác xã

- Số lượng dự án liên kết theo chuỗi giá trị: 05 dự án (mỗi năm 01 dự án, mỗi dự án hỗ trợ không quá 1 tỷ đồng).

- Sản phẩm và địa bàn liên kết sản xuất và tiêu thụ: Sản phẩm chủ lực theo Quyết định 101/QĐ-UBND.

- Nội dung thực hiện:

+ Xây dựng và triển khai thực hiện các hợp đồng liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân. Tùy theo điều kiện cụ thể để xác định các nội dung hợp tác, liên kết như: Liên kết trong cung ứng vật tư, giống, vốn, phân bón; đầu tư hạ tầng phục vụ liên kết như kho bãi, cơ sở chế biến, hệ thống tưới, tiêu,...; liên kết tiêu thụ sản phẩm.

+ Xây dựng vùng nguyên liệu phục vụ chế biến, tiêu thụ nông sản của các doanh nghiệp hợp tác xã tham gia thực hiện.

+ Xây dựng mới hoặc hỗ trợ củng cố năng lực quản lý, năng lực sản xuất, kinh doanh, khả năng áp dụng tiến bộ kỹ thuật, các quy trình sản xuất an toàn (GAP) cho doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân tham gia thực hiện mô hình liên kết theo chuỗi giá trị.

+ Xây dựng mô hình khuyến nông, cấp mã số vùng trồng, vùng nuôi gắn với tư vấn, chứng nhận sản phẩm an toàn kết hợp xây dựng hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc sử dụng mã QR, xây dựng nhãn hiệu tập thể, xây dựng phát triển thương hiệu và quảng bá sản phẩm của doanh nghiệp, hợp tác xã.

+ Hỗ trợ các sản phẩm OCOP và các sản phẩm nông nghiệp chủ lực theo Quyết định 101/QĐ-UBND tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử của tỉnh và các sàn giao dịch thương mại điện tử khác nhằm phát triển thị trường phân phối hàng hóa trong và ngoài tỉnh.

+ Theo dõi, tổng kết đánh giá, trao đổi kinh nghiệm và nhân rộng mô hình.

+ Tạo điều kiện hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã tiếp cận nguồn vốn từ nguồn tín dụng của Ngân hàng thương mại và Quỹ đầu tư phát triển khác.

- Đối tượng tham gia:

+ Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ nông dân và các nhà khoa học tham gia mô hình liên kết chuỗi, cụ thể:

* Năm 2021: Hợp tác xã Nông nghiệp Tân Thành, Khu phố 5, Thị Trấn thứ Ba.

- * Năm 2022: Hợp tác xã Nông nghiệp Hai Xáng, ấp Hai Xáng, xã Nam Yên.
- * Năm 2023: Hợp tác xã Nông nghiệp Thuận Phát, ấp Rẫy Mới, xã Tây Yên.
- * Năm 2024: Hợp tác xã Nông nghiệp Bào Láng, ấp Bào Láng, xã Nam Thái.
- * Năm 2025: Hợp tác xã Nông nghiệp Chủ Nông, ấp Lô 15A, xã Hưng Yên.
- + Cán bộ quản lý nhà nước các cấp có liên quan.

2. Nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển liên kết theo chuỗi giá trị các sản phẩm nông nghiệp chủ lực ở các địa phương

Tổng mức hỗ trợ đối với dự án liên kết hoặc kế hoạch liên kết quy định tại các khoản a, b, c, d, e và g không quá 1 tỷ đồng.

a) Chi phí tư vấn xây dựng liên kết

- Chính sách hỗ trợ: Chủ trì liên kết được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tư vấn, nghiên cứu để xây dựng hợp đồng liên kết, dự án liên kết, phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường.

- Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 05 dự án.

b) Hạ tầng phục vụ liên kết

- Chính sách hỗ trợ: Dự án liên kết được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc, thiết bị; Xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: Nhà xưởng, bến bãi, nhà kho phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 05 dự án.

c) Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông

- Chính sách hỗ trợ: Nội dung xây dựng mô hình khuyến nông thực hiện theo Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của HĐND tỉnh Kiên Giang quy định nội dung chi, mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

- Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 05 mô hình.

d) Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường

- Chính sách hỗ trợ: Ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% chi phí tài liệu, tiền ăn, ở, đi lại cho các đối tượng tham dự đào tạo, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường. Hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp: Hỗ trợ theo pháp luật quy định chính

sách hỗ trợ đào tạo nghề nông nghiệp trình độ sơ cấp, đào tạo dưới 3 tháng và các quy định cụ thể của tỉnh.

- Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 50 lớp.

e) Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã

- Đối với giống và các vật tư thiết yếu:

+ Hỗ trợ 50% tổng chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu tối đa 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất, mức hỗ trợ áp dụng theo Quyết định về định mức kinh tế - kỹ thuật cho một số loại cây trồng, vật nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản và cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường, để làm cơ sở áp dụng hỗ trợ các mô hình trình diễn khuyến nông trên địa bàn huyện An Biên.

+ Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 05 mô hình.

- Đối với chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm:

+ Chính sách hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm, mức hỗ trợ không quá 08 triệu đồng/mẫu thiết kế và không quá 03 mẫu thiết kế, tối đa không quá 03 vụ hoặc 03 chu kỳ sản xuất.

+ Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 05 mẫu thiết kế.

g) Chi phí áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi

- Chi phí điều tra cơ bản, khảo sát địa hình, phân tích mẫu đất, mẫu nước, mẫu không khí để xác định các vùng sản xuất tập trung thực hiện các dự án sản xuất nông, lâm, thủy sản áp dụng thực hành nông nghiệp tốt do cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chi phí đánh giá, chứng nhận (01 lần: lần đầu hoặc lần cấp lại).

+ Chính sách hỗ trợ: 40% tổng chi phí.

+ Dự kiến hỗ trợ từ năm 2021 đến năm 2025 khoảng 05 dự án.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện theo Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Dự kiến tổng kinh phí thực hiện 05 năm, giai đoạn năm 2021-2025 đề nghị tỉnh phân bổ cho huyện là 4.850 triệu đồng (dự kiến có 01 dự án/năm, hỗ trợ mỗi dự án tối đa không quá 01 tỷ đồng, chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác tuyên truyền

- Các ban ngành, đoàn thể cấp huyện, UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền sâu, rộng nội dung Kế hoạch này để đẩy mạnh liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn và tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài tỉnh để vận động các doanh nghiệp, nhà khoa học, hợp tác xã và người dân tham gia liên kết theo chuỗi giá trị.

2. Nâng cao năng lực cho hợp tác xã và doanh nghiệp để thực hiện liên kết có hiệu quả

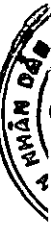
Phối hợp tổ chức đào tạo, tập huấn cho các hợp tác xã về nâng cao năng lực quản trị, tiếp cận và áp dụng khoa học và công nghệ, năng lực về thông tin; về thương mại và tiếp cận, phát triển thị trường.

3. Nâng cao năng lực cho các cơ quan quản lý, các đơn vị tham gia dự án liên kết chuỗi giá trị

Phối hợp tổ chức bồi dưỡng kiến thức chuyên môn về quản lý, đào tạo, tập huấn triển khai thực hiện chương trình, dự án cho cán bộ quản lý nhà nước (cấp huyện và xã), chuyên gia tiến bộ kỹ thuật, quy trình,... cho các hợp tác xã, người sản xuất theo Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Thực hiện tốt các chính sách ưu đãi, hỗ trợ thúc đẩy phát triển liên kết giữa doanh nghiệp và hợp tác xã

Phối hợp tổ chức thực hiện lồng ghép với các Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác xã, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 về cơ chế chính sách khuyến khích Doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Nghị định 52/2018/NĐ-CP ngày 12/4/2018 về phát triển ngành nghề nông thôn; Nghị định 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ về bảo hiểm nông nghiệp; Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 28/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư và các chính sách khác có liên quan để thực hiện Kế hoạch này.



5. Tiếp tục thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn

Tiếp tục phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả các chương trình, đề án, dự án trọng điểm của ngành nông nghiệp gắn với Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025; Đề án “Chương trình mỗi xã một sản phẩm” và các chương trình, đề án của huyện để thúc đẩy phát triển các hợp tác xã nông nghiệp, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông sản.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Là đầu mối tổng hợp, tham mưu cho UBND huyện hướng dẫn, đôn đốc các phòng, ngành có liên quan, UBND các xã, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan xây dựng và triển khai các chuỗi liên kết ngành hàng chủ lực của huyện.

- Tham mưu đề xuất với UBND huyện, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh lựa chọn các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia thực hiện dự án.

- Phối hợp với các phòng, ngành liên quan, UBND các xã, thị trấn tổ chức lựa chọn các doanh nghiệp có nhu cầu, uy tín và năng lực tham gia dự án liên kết để cung cấp các dịch vụ về vốn, khoa học kỹ thuật, vật tư đầu vào và bao tiêu sản phẩm để xây dựng dự án liên kết chuỗi một số ngành hàng chủ lực.

- Phối hợp xây dựng mô hình khuyến nông về liên kết chuỗi và sản xuất sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, nông nghiệp hữu cơ, đồng thời phối hợp xây dựng và phát triển hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc, sử dụng mã QR để đánh giá nhân rộng.

- Tăng cường thực hiện các giải pháp hỗ trợ chứng nhận sản phẩm nông sản phù hợp quy phạm thực hành nông nghiệp tốt của Việt Nam và Quốc tế. Tổ chức quản lý sản xuất sản phẩm nông nghiệp đạt tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP, hữu cơ, đồng thời phát triển hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc, sử dụng mã QR cho các chuỗi ngành hàng nông thủy sản chủ lực, đặc trưng.

- Đề xuất với các sở, ngành tỉnh tư vấn, hỗ trợ hợp tác xã thực hiện chuỗi liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm. Hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng thương hiệu, truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- Phối hợp đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, điều hành cho cán bộ và thành viên hợp tác xã, ưu tiên cho các hợp tác xã tham gia chuỗi liên kết.

- Định kỳ, đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh theo quy định.



2. Phòng Tài chính - Kế hoạch

Trên cơ sở Kế hoạch được duyệt và đề xuất nhu cầu kinh phí thực hiện hàng năm do phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp theo Kế hoạch số 88/KH-UBND ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 340/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp giai đoạn 2020-2025 trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, để tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh bố trí kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định có liên quan.

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT, UBND các xã, thị trấn hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động tài chính của HTX, qua đó đề xuất giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hợp tác xã.

3. Phòng Kinh tế và hạ tầng

- Chủ trì phối hợp với ngành có liên quan, phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, và UBND các xã, thị trấn tổ chức tập huấn nghiệp vụ quản trị gian hàng, giới thiệu và hướng dẫn về sàn giao dịch thương mại điện tử cho các doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã,... đối với các sản phẩm nông sản của huyện, nhất là sản phẩm chủ lực theo Quyết định 101/QĐ-UBND. Đồng thời, định hướng, kết nối thị trường đầu ra cho các hợp tác xã tham gia mô hình liên kết và các sản phẩm nông sản của huyện.

- Chủ trì, phối hợp với các ngành có liên quan hỗ trợ các hợp tác xã có tham gia mô hình, chuỗi liên kết ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ mới để nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông sản chủ lực, đăng ký nhãn hiệu tập thể và xây dựng thương hiệu sản phẩm.

- Tổ chức, tạo điều kiện và hỗ trợ cho các hợp tác xã nông nghiệp tham gia chương trình xúc tiến thương mại; tham gia giới thiệu sản phẩm, hội chợ xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường đầu ra nông sản và làm trung gian cầu nối giữa hợp tác xã với doanh nghiệp.

4. Đề nghị Ủy ban MTTQVN huyện, các đoàn thể, Hội Nông dân:

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các đoàn viên, hội viên, Doanh nghiệp, hộ nông dân về chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hình thành các chuỗi giá trị sản xuất bền vững.

- Lồng ghép các chương trình, dự án phối hợp triển khai nhân rộng các mô hình, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP), đăng ký nhãn hiệu xây dựng chuỗi liên kết.

5. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chỉ đạo củng cố hoạt động các hợp tác xã hiện có, thành lập mới các hợp tác xã tại các vùng sản xuất tập trung, sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù; chủ động đề xuất đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ, thành viên các hợp tác xã; phối hợp với ngành chuyên môn và các doanh nghiệp xây dựng dự án liên kết; tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia chuỗi liên kết.

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, các Hợp tác xã, Tổ hợp tác, các tổ chức cá nhân có liên quan nhằm thực hiện đạt các mục tiêu theo kế hoạch đề ra.

- Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT tham mưu, hướng dẫn, đôn đốc và hỗ trợ các chủ thể tham gia chuỗi liên kết thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ngành, UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện về Phòng Nông nghiệp và PTNT trước ngày 10/11 hàng năm để tổng hợp, báo cáo. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh kịp thời phản ánh về UBND huyện (thông qua Phòng Nông nghiệp và PTNT), để kịp thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh;
- CT và các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban ngành huyện;
- Ủy ban MTTQVN, Đoàn thể;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT. (5)



Tô Thanh Đoàn

Phụ lục
TỔNG HỢP NỘI DUNG, DỰ KIẾN NHU CẦU KINH PHÍ HỖ TRỢ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo Kế hoạch số 144/KH-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021, của UBND huyện)

Số TT	Nội dung	Số lượng	Mức kinh phí hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Kinh phí giai đoạn 2021 đến 2025 (Triệu đồng)					Văn bản áp dụng
					2021	2022	2023	2024	2025	
1	Chi phí tư vấn xây dựng liên kết (hỗ trợ không quá 300 triệu đồng)	5	60	300	60	60	60	60	60	Điều 4 Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND và các quy định pháp luật hiện hành
2	Hạ tầng xây dựng liên kết (hỗ trợ 30% vốn đầu tư máy móc, thiết bị, nhà xưởng, bến bãi, nhà kho phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp)	5	525	2.625	525	525	525	525	525	Điều 5 Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND và các quy định pháp luật hiện hành
3	Hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông	5	75	375	75	75	75	75	75	Điều 6 Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết 341/2020/NQ-HĐND ngày 22/7/2020 và các quy định pháp luật hiện



Số TT	Nội dung	Số lượng	Mức kinh phí hỗ trợ	Tổng kinh phí hỗ trợ (triệu đồng)	Kinh phí giai đoạn 2021 đến 2025 (Triệu đồng)					Văn bản áp dụng
					2021	2022	2023	2024	2025	
										hành
4	Đào tạo nghề, tập huấn kỹ thuật, nâng cao nghiệp vụ quản lý, kỹ thuật sản xuất, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường (3 lớp/năm)	15	40	600	120	120	120	120	120	Điều 7 Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND và các quy định pháp luật hiện hành
5	Hỗ trợ giống, vật tư, thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm thông qua các dịch vụ tập trung của hợp tác xã			305	61	61	61	61	61	
5.1	Hỗ trợ giống, các vật tư thiết yếu (1 mô hình/năm)	5	55	275	55	55	55	55	55	Khoản 1 Điều 8 Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND
5.2	Chi phí thiết kế bao bì, nhãn mác sản phẩm (5 năm x 3 mẫu thiết kế/dự án x 1 dự án)	5	6	30	6	6	6	6	6	Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 340/2020/NQ-HĐND

